

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 6 – 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Bùi Thanh M, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Tôi và ông Bùi Thanh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/7/2010. Trong quá trình chung sống, chúng tôi không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M thường xuyên uống rượu, say xỉn về đánh đập tôi, gây ảnh hưởng đến tâm lý của tôi và các con. Chúng tôi đã sống ly thân khoảng 07 năm nay. Hiện nay mỗi người đều có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là cháu Bùi Lê Quỳnh A, sinh ngày 25/12/2010 và cháu Bùi Lê Tường V, sinh ngày 04/9/2013. Các cháu là con gái, đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý, bản thân ông M là người nghiện rượu, không quan tâm tới con cái, về nhà thường gây sự chửi bới, ông M lại thường xuyên vắng nhà, giao hai cháu cho bà nội (mẹ ông M) nuôi dưỡng mà cấm không cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng con. Vì vậy, xét thấy việc giao con cho tôi trực tiếp chăm sóc 02 con sẽ tốt cho sự phát triển của các cháu hơn. Nên tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

- Đối với bị đơn ông Bùi Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Bùi Thanh M vắng mặt không tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án, thời hạn xét xử đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 97, từ Điều 171 đến Điều 175, Điều 177, Điều 203, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Bùi Thanh M.

Về con chung: Giao cho bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Lê Quỳnh A, sinh ngày 25/12/2010 và Bùi Lê Tường V, sinh ngày 04/9/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Bùi Thanh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung giữa bà với

ông Bùi Thanh M, đây là quan hệ “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”. Bị đơn ông Bùi Thanh M có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã T hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Bùi ThA M nhưng ông Bùi ThA M không tham gia tố tụng, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn ông Bùi Thanh M vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn T hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị T và ông Bùi Thanh M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 19/7/2010, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M thường xuyên uống rượu, say xỉn về đánh đập bà Lê Thị T, gây ảnh hưởng đến tâm lý của bà và các con. Ông bà đã sống ly thân khoảng 07 năm nay. Hiện nay mỗi người đều có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị T xin ly hôn với ông M.

Kết quả xác M tại địa phương xác định: Mâu thuẫn giữa bà Lê Thị T và ông Bùi Thanh M do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung, ông M là người hay uống rượu, thời gian chung sống với nhau thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Bùi Thanh M có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Bà Lê Thị T đã cương quyết xin ly hôn với ông Bùi Thanh M, vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị T, giải quyết cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Bùi Thanh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Bà Lê Thị T và ông Bùi Thanh M có 02 con chung là cháu Bùi Lê Quỳnh A, sinh ngày 25/12/2010 và Bùi Lê Tường V, sinh ngày 04/9/2013. Khi ly hôn nguyện vọng của bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy ông M, không thường xuyên ở nhà nuôi dạy các con mà giao cho mẹ ông nuôi, không có sự quan tâm tới con. Các cháu là con gái, đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý và đều có nguyện vọng ở với bà T. Vì vậy, xét thấy việc giao các con chung cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc sẽ tốt cho sự phát triển của các cháu và phù hợp với nguyện vọng của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Giao cho bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Lê Quỳnh A và Bùi Lê Tường V cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Lê Thị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Bùi Thanh M.

2. *Về con chung*: Giao cho bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Lê Quỳnh A, sinh ngày 25/12/2010 và Bùi Lê Tường V, sinh ngày 04/9/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị T không yêu cầu nên không giải quyết.

Ông Bùi ThA M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Lê Thị T không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà Lê Thị T (Ông Trần Trọng H nộp thay) đã nộp theo biên lai số AA/2021/0012233 ngày 25/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND xã Hòa Phú,
- TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đại Minh

